

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

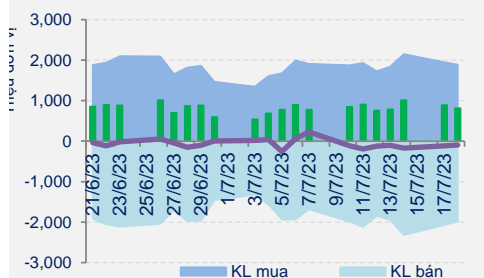
18/7/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

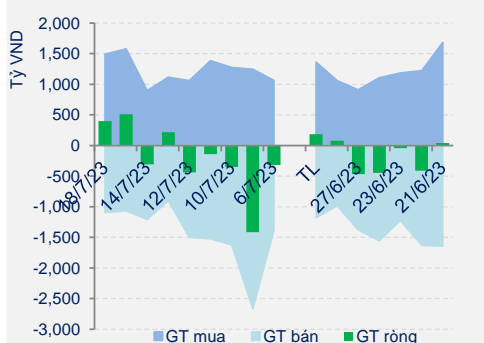
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,174.09	230.96
% Thay đổi	↑ 0.08%	↑ 0.00%
KLGD (CP)	810,952,428	101,523,065
GTGD (tỷ đồng)	16,776.38	1,602.50
Tổng cung (CP)	1,984,427,378	174,513,600
Tổng cầu (CP)	1,888,480,257	145,405,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	34,285,968	538,998
KL mua (CP)	40,666,652	2,723,910
GT mua (tỷ đồng)	1,490.12	54.85
GT bán (tỷ đồng)	1,093.00	9.10
GT ròng (tỷ đồng)	397.12	45.75

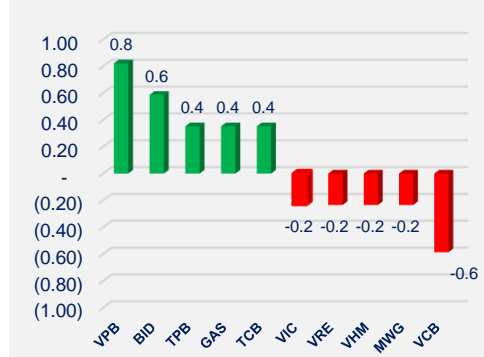
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX tiếp tục xu hướng tăng điểm với mức tăng chậm lại, thanh khoản bắt đầu suy giảm khi đang ở vùng kháng cự quanh 1.180 điểm. Kết phiên VN-INDEX tăng nhẹ 0,96 điểm (+0,08%) lên mức 1.174,09 điểm và là phiên tăng điểm thứ 8 liên tiếp. HNX-INDEX tăng 0,01 điểm (+0,00%) lên mức 230,96 điểm. Độ rộng thị trường trên hai sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực với áp lực bán ngắn hạn gia tăng ở nhiều mã khi có tổng cộng 376 mã giảm giá (04 mã giảm sàn), 273 mã tăng giá (16 mã tăng trần) và 117 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 18.378,88 tỷ đồng, giảm 9,14% so với phiên trước, cho thấy tâm lý thận trọng hơn sau đà tăng liên tiếp của VN-INDEX, nhiều mã chịu áp lực bán ngắn hạn với thanh khoản ở mức trung bình. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trở lại với giá trị 397,12 tỷ đồng, trong đó mua ròng tốt ở nhóm dịch vụ tài chính chứng khoán, thép đã hỗ trợ tốt hơn đối với thị trường, mua ròng trên HNX với giá trị 45,75 tỷ đồng.

Sở GDCK TP.HCM (HoSE) vừa công bố thay đổi thành phần các chỉ số kỳ tháng 7/2023 và sẽ chính thức có hiệu lực từ 07/8/2023. Với bộ chỉ số VNFinLead, HoSE đã loại BVH qua đó giảm số lượng cổ phiếu trong rổ này từ 22 xuống 21 cổ phiếu. Với bộ chỉ số VN30, SHB và SSB đã lọt rổ VN30 trong kỳ cơ cấu này và 2 cổ phiếu bị loại khỏi danh mục là NVL và PDR.

Thị trường giao dịch chậm lại với áp lực bán gia tăng nhiều hơn, tuy nhiên nhóm cổ phiếu bất động sản vẫn đang là tâm điểm nổi bật của thị trường với nhiều mã tiếp tục tăng giá tốt, thanh khoản đột biến trong phiên chiều như HDC (+6,86%), NLG (+3,56%), QCG (+3,40%), SJS (+1,82%)... mức độ phân hóa cũng mạnh hơn với nhiều mã chịu áp lực bán như NVL (-1,95%), PDR (-1,28%) trước thông tin bị loại khỏi chỉ số VN30, DRH (-3,13%), LGL (-1,47%), SCR (-1,39%)... sau phiên tăng mạnh.

Trong khi đó nhóm ngân hàng với SHB (+3,28%), SSB (+0,69%) tích cực khi được cập nhật vào VN30 và đa số các mã ngân hàng cũng có diễn biến tích cực, thanh khoản cải thiện tốt như TPB (+3,84%), NVB (+3,57%), VPB (+2,44%), TCB (+1,25%)...

Các nhóm ngành cổ phiếu khác phân hóa kém tích cực, đa số chịu áp lực điều chỉnh, bán ngắn hạn với thanh khoản ở mức trung bình điển hình như nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán với FTS (-2,33%), BSI (-1,41%), SHS (-1,46%), AGR (-1,31%)... trong khi các mã tăng giá là PSI (+2,27%), WSS (+1,30%), VND (+0,55%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 tăng 3,2 điểm (0,28%), mức chênh lệch -1,82 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ, khối lượng mở OI xu hướng giảm khi sắp đáo hạn trong 02 phiên đến. Cho thấy vị thế nắm giữ đáo hạn đang giảm và thị trường bắt đầu gia tăng giao dịch sang kỳ hạn VN30F2308. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 chênh lệch -4,62 điểm đến -18,02 điểm so với VN30. Xu hướng ngắn hạn của của kỳ hạn chính vẫn chưa đồng thuận với VN30. Cho thấy các trader duy trì lạc quan hơn với VN30, ưu tiên các vị thế mua ở VN30, gia tăng vị thế phòng ngừa rủi ro ở thị trường phái sinh.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Đà tăng của thị trường chứng lại trong phiên hôm nay khi nhiều cổ phiếu có tín hiệu điều chỉnh, VN-Index liên tục trời sập trong phiên và tăng điểm nhẹ vào cuối phiên cho thấy khả năng chỉ số có thể điều chỉnh để kiểm định lại vùng 1.150 điểm sau khi đã vượt qua trong tuần trước. Kháng cự gần nhất của chỉ số trong vùng 1.180 điểm – 1.200 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chốt phiên hôm nay VnIndex tăng +0,96 điểm (+0,08%) và đóng cửa ở 1.174,19 điểm tiếp tục thoát khỏi vùng trì kéo 1.150. Ngưỡng cản 1.150 đã dễ dàng bị VnIndex vượt qua trong tuần trước và đà tăng thị trường tiếp tục được duy trì trong 2 phiên đầu tuần cho thấy nội lực của thị trường vẫn đang rất mạnh (chúng tôi thường xuyên đề cập đến sức mạnh thị trường trong các bản tin trước) tuy nhiên thị trường sẽ cần ít nhất 1 nhịp điều chỉnh để test lại ngưỡng 1.150 điểm qua đó củng cố xu hướng. Chúng tôi kỳ vọng với động lực của xu hướng tăng đang rất tốt, sau nhịp điều chỉnh thị trường sẽ tiếp tục tích cực trong thời gian tới.

Như đã phân tích trong các bản tin thời gian vừa qua, xét trong trung- dài hạn thị trường đang trong sóng hồi sau khi thoát ra khỏi nền tảng tích lũy rất tốt kéo dài trong 6 tháng đầu năm. Hiện VnIndex đang tiệm cận kháng cự mạnh quanh vùng 1.150 điểm +/-30 điểm nên sẽ tiếp tục có nhiều rung lắc, điều chỉnh. Nếu nhận được sự ủng hộ của chuyển biến vĩ mô tích cực, dòng tiền và Vn-Index vượt qua vùng cản này một cách thuyết phục, thị trường sẽ hình thành Uptrend.

Đà tăng của thị trường đang chứng lại và trong ngắn hạn thị trường có thể có rủi ro điều chỉnh sau khi vượt cản, các nhà đầu tư ngắn hạn chế mua đuổi, có thể xem xét chốt lời dần các mã đã đạt mục tiêu và duy trì danh mục ở mức tỷ trọng trung bình. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục các cổ phiếu tiềm năng đã giải ngân như chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị thời gian vừa qua.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

18/7/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
POW	13.50	13.1-13.6	16.5-17	12	18.5	5.1%	-26.0%	Theo dõi chờ giải ngân
EVE	18.60	18.5-19.5	24-25	17	8.8	-22.6%	-55.2%	Theo dõi chờ giải ngân
VOS	13.25	12.6-13.3	15.2-16	12	3.7	29.1%	31.1%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	37.6	26.4	40-42	37	42.4%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	25.8	18	24-26	24.5	43.3%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	52.8	40	52-54	52	32.0%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	34.5	25.1	33-34	33	37.5%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	14.4	12.75	18-18.5	14	12.9%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	61.9	54.8	65-67	60	13.0%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	30.7	28.05	34-35	29.5	9.3%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	57.7	51	62-64	55	13.1%	Nắm giữ
12/7/23	DCM	28.8	27.75	31-32	27.5	3.6%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Từ 14/8 sẽ chi trả lương hưu, các khoản trợ cấp theo mức hưởng mới

Cơ quan Bảo hiểm xã hội sẽ tổ chức chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng theo mức hưởng mới từ ngày 14/8 tới đây. Phần chênh lệch tăng thêm chưa lĩnh của tháng 7/2023 cho người hưởng cũng được truy trả đầy đủ cùng thời điểm. Thống kê trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn Ngành Bảo hiểm xã hội đã giải quyết cho khoảng 37.000 người hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng. Hiện cả nước đang có hơn 3,3 triệu người hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng.

Ngày 19/7 khởi công đường nối cao tốc phía Nam với Vành đai 3 Hà Nội

Sau gần 10 năm chuẩn bị, sáng mai (19/7) dự án đường nối cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ với đường Vành đai 3 sẽ được thành phố Hà Nội khởi công. Dự án có mục tiêu xóa ùn tắc tại cửa ngõ phía Nam, trong đó có nút giao Pháp Vân. □

Đồng Tháp đứng top đầu cả nước về giải ngân vốn đầu tư công

6 tháng đầu năm, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) Đồng Tháp ước đạt 5,89%, tăng cao hơn cùng kỳ năm trước 2,06% (6 tháng đầu năm 2022 đạt 3,83%). Đặc biệt, Đồng Tháp là một trong những địa phương giải ngân vốn đầu tư công trên 50% trong 6 tháng đầu năm và top đầu cả nước về tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công .

Xuất khẩu cá ngừ sang EU tăng 28% trong tháng 6

Xuất khẩu cá ngừ sang các thị trường chính như Mỹ, Nhật Bản, Canada.. vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục. Trong khi đó, xuất khẩu sang EU, Mexico, Israel và Thái Lan đang ghi nhận sự tăng trưởng cao so với cùng kỳ, riêng khối EU tăng 28% trong tháng 6.



TIN DOANH NGHIỆP

Nhận định khó khăn, Imexpharm tăng trưởng ấn tượng trong quý 2

Cùng với quý 1 tăng trưởng ấn tượng, IMP có kết quả nửa đầu năm khá tốt, dù từng nhận định kinh doanh khó khăn tại ĐHCĐ 2023. Lũy kế 6 tháng, doanh thu đạt 919 tỷ đồng, tăng 37%; lãi trước và sau thuế lần lượt 199.2 tỷ đồng và 157.5 tỷ đồng, tăng 59%. Doanh nghiệp cho biết trong quý 2 đã tích cực mở rộng thị trường, đồng thời tái cơ cấu danh mục sản phẩm bán ra, chỉ tập trung vào các sản phẩm chủ lực mang lại biên lợi nhuận cao. Nhờ vậy, doanh thu và lợi nhuận đều tăng cao so cùng kỳ.

AGR: Báo lãi gấp đôi cùng kỳ, dư nợ margin đạt trên 1.300 tỷ đồng

CTCP Chứng khoán Agribank (HoSE: AGR) vừa công bố báo cáo tài chính quý 2/2023 với doanh thu hoạt động đi ngang so với cùng kỳ, đạt hơn 87 tỷ đồng. Lũy kế nửa đầu năm 2023, doanh thu hoạt động dù giảm 9% về còn 172 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế vẫn tăng 22% ghi nhận 107 tỷ đồng. Với kết quả này, Agriseco đã hoàn thành được hơn 39% mục tiêu về doanh thu và 59% mục tiêu về lợi nhuận trước thuế đề ra trong năm nay.

PHR: Cao su Phước Hòa báo lãi quý 2 cao gấp 2,3 lần cùng kỳ năm trước

CTCP Cao su Phước Hòa (HoSE: PHR) vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2023 với doanh thu thuần đạt 201 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ. Giá vốn giảm mạnh hơn khiến biên lãi gộp cải thiện lên 23%, tương ứng lãi gộp 47 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu thuần hợp nhất của PHR giảm 13% so với cùng kỳ xuống còn 527 tỷ đồng. Dù vậy, kết quả tích cực đạt được trong quý 2 đã giúp LNST 6 tháng của PHR tăng nhẹ 2% lên mức 361 tỷ đồng.

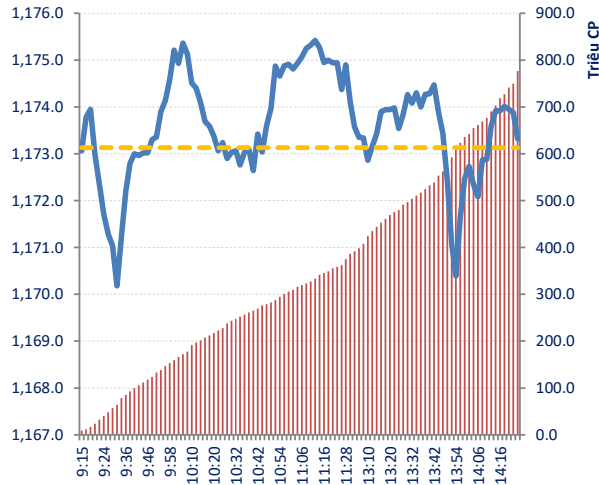
Hai cổ phiếu ngân hàng SHB, SSB chính thức lọt vào rổ VN30

Ngày 17/07, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã công bố danh mục thành phần chỉ số VN30 kỳ tháng 7/2023. Danh mục có hiệu lực từ ngày 07/08/2023 - 02/02/2024. Trong đợt đảo danh mục này, cổ phiếu NVL, PDR ra khỏi rổ VN30. Thay vào đó là hai mã ngân hàng SHB của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội và SSB của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank).

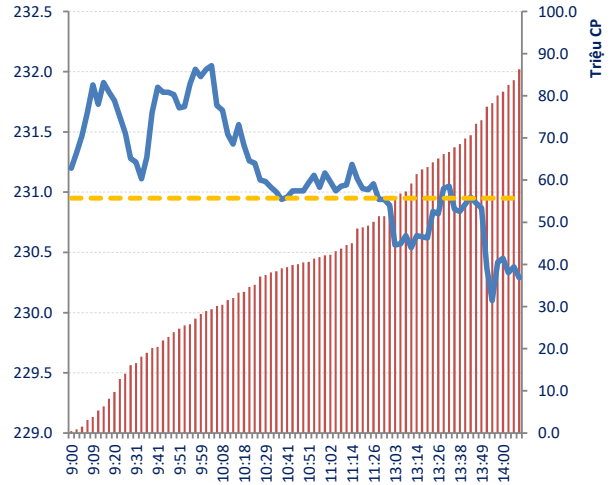


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

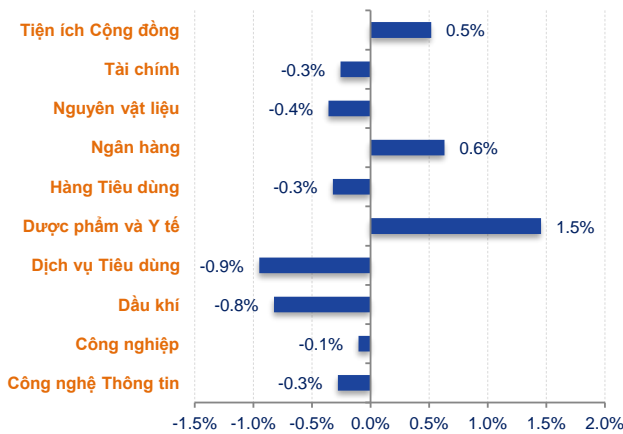
KLGD và VN-Index trong phiên



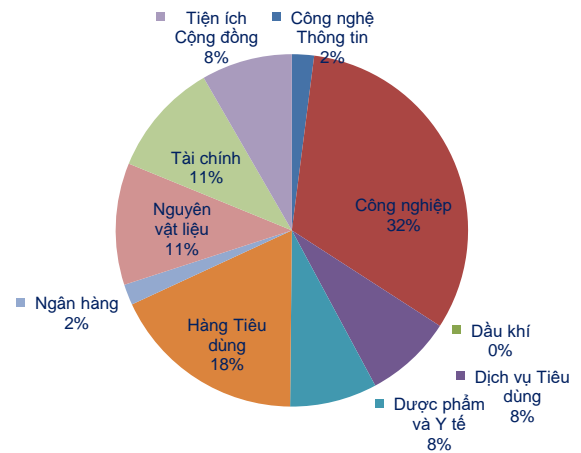
KLGD và HNX-Index trong phiên



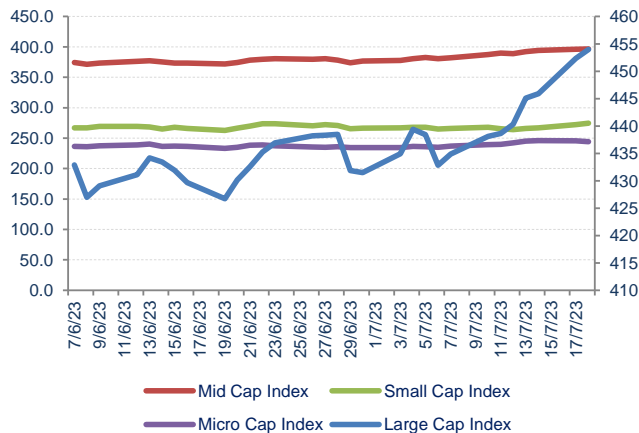
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



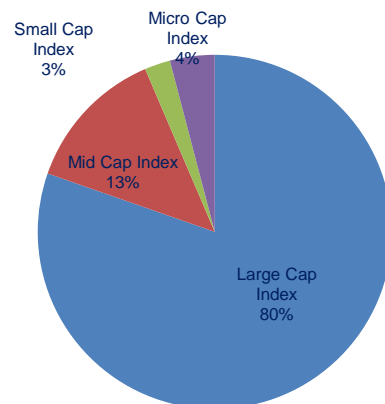
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VNM	2,565,800	VPB	2,989,400	1	SHS	1,429,769	IVS	291,000
2	HCM	1,403,000	TPB	2,672,200	2	TNG	447,300	NVB	50,000
3	VRE	1,369,600	HSG	1,383,600	3	CEO	307,240	PVC	50,000
4	HPG	1,335,100	DGC	564,400	4	PVI	156,300	NBC	30,000
5	VND	1,293,400	STB	561,000	5	PVS	91,100	HAT	14,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VPB	20.45	20.95	↑ 2.44%	44,448,003	CEO	20.90	20.40	↓ -2.39%	14,757,765
DIG	23.15	23.35	↑ 0.86%	32,317,000	SHS	14.70	14.50	↓ -1.36%	13,019,921
NVL	15.35	15.05	↓ -1.95%	28,458,000	HUT	20.60	20.50	↓ -0.49%	7,047,705
SHB	13.70	14.15	↑ 3.28%	27,176,300	MBG	5.90	5.80	↓ -1.69%	5,997,340
TPB	18.25	18.95	↑ 3.84%	24,802,601	IDJ	5.60	5.90	↑ 5.36%	5,284,356

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LEC	6.43	6.88	0.45	↑ 7.00%	THB	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
POM	7.90	8.45	0.55	↑ 6.96%	ATS	12.00	13.20	1.20	↑ 10.00%
PNC	8.92	9.54	0.62	↑ 6.95%	KMT	10.10	11.10	1.00	↑ 9.90%
APG	7.93	8.48	0.55	↑ 6.94%	HJS	30.60	33.60	3.00	↑ 9.80%
IMP	62.50	66.80	4.30	↑ 6.88%	QTC	11.30	12.40	1.10	↑ 9.73%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LAF	15.30	14.25	-1.05	↓ -6.86%	VNT	57.50	51.80	-5.70	↓ -9.91%
TPC	6.50	6.07	-0.43	↓ -6.62%	SGD	19.30	17.40	-1.90	↓ -9.84%
ABT	32.65	30.55	-2.10	↓ -6.43%	SIC	25.90	23.40	-2.50	↓ -9.65%
VSI	15.60	14.60	-1.00	↓ -6.41%	DTG	35.00	31.80	-3.20	↓ -9.14%
RAL	115.80	109.00	-6.80	↓ -5.87%	THS	12.00	11.00	-1.00	↓ -8.33%

(*) Giá điều chỉnh

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH
Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	44,448,003	11.8%	1,796	11.4	1.3
DIG	32,317,000	2.2%	276	84.0	1.8
NVL	28,458,000	1.8%	414	37.0	0.7
SHB	27,176,300	18.7%	2,610	5.2	0.9
TPB	24,802,601	20.3%	2,884	6.3	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	14,757,765	7.5%	1,057	19.8	1.4
SHS	13,019,921	2.1%	224	65.6	1.3
HUT	7,047,705	1.3%	146	141.1	1.9
MBG	5,997,340	6.2%	697	8.5	0.5
IDJ	5,284,356	8.0%	901	6.2	0.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LEC	↑ 7.0%	-3.6%	(570)	-	0.4
POM	↑ 7.0%	-50.1%	(5,223)	-	0.9
PNC	↑ 7.0%	8.2%	1,256	7.6	0.6
APG	↑ 6.9%	-14.9%	(1,664)	-	0.7
IMP	↑ 6.9%	13.9%	3,888	16.1	2.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THB	↑ 10.0%	8.9%	1,172	9.4	0.8
ATS	↑ 10.0%	0.6%	74	162.6	1.0
KMT	↑ 9.9%	7.0%	967	10.4	0.7
HJS	↑ 9.8%	16.4%	2,504	12.2	1.9
QTC	↑ 9.7%	3.5%	537	21.0	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	2,565,800	23.5%	3,881	18.6	4.4
HCM	1,403,000	8.7%	1,517	20.4	1.8
VRE	1,369,600	10.2%	1,488	19.3	1.9
HPG	1,335,100	0.7%	114	239.1	1.6
VND	1,293,400	4.1%	487	37.6	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	1,429,769	2.1%	224	65.6	1.3
TNG	447,300	17.8%	2,666	7.8	1.3
CEO	307,240	7.5%	1,057	19.8	1.4
PVI	156,300	0.5%	170	293.8	1.4
PVS	91,100	5.6%	1,498	23.2	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	495,968	23.2%	6,533	16.0	3.4
VHM	256,908	24.9%	8,269	7.1	1.6
BID	233,704	19.7%	3,972	11.6	2.1
VIC	201,757	5.1%	1,800	29.4	1.5
GAS	189,481	24.1%	7,689	12.9	2.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,633	5.6%	1,498	23.2	1.3
IDC	14,520	34.3%	6,675	6.6	2.3
THD	13,860	4.0%	672	58.9	2.3
KSF	11,970	4.9%	1,094	36.5	1.8
SHS	11,953	2.1%	224	65.6	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.53	0.3%	49	185.6	0.6
EVG	4.10	0.9%	113	59.5	0.6
PTL	3.98	-20.9%	(1,118)	-	0.9
PDR	3.77	9.7%	1,321	14.8	1.6
LGL	3.44	1.4%	182	26.0	0.4

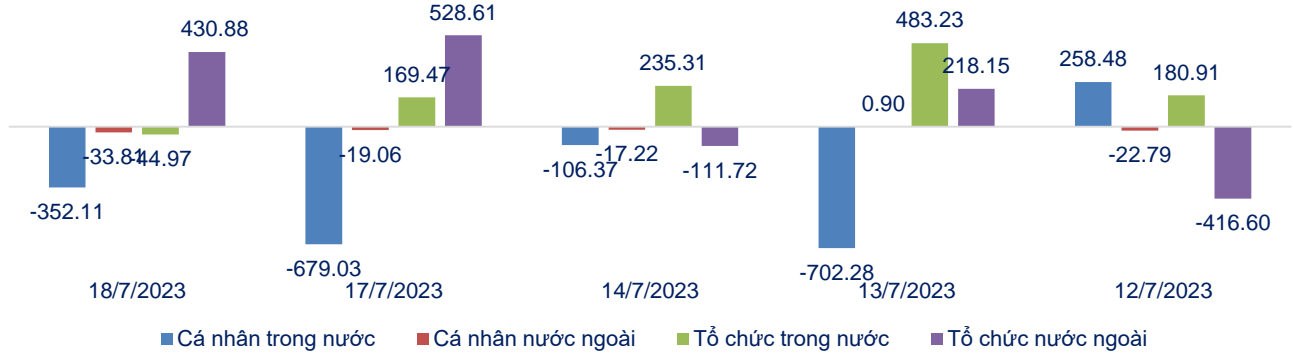
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KSQ	4.60	-20.9%	(2,031)	-	0.3
API	4.54	8.2%	921	6.7	0.5
VC7	4.36	2.4%	265	82.4	2.0
VC2	4.19	4.1%	591	24.9	1.0
FID	4.13	0.0%	1	4,462.7	0.3



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	162.82	8.1%	2,115	17.5	1.5
EIB	81.41	14.8%	2,030	10.3	1.5
STB	44.32	14.9%	3,006	9.3	1.3
DGW	27.93	23.9%	3,357	14.7	3.2
TPB	27.48	20.3%	2,884	6.3	0.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-170.18	23.5%	3,881	18.6	4.4
VHM	-81.95	24.9%	8,269	7.1	1.6
VPB	-53.86	11.8%	1,796	11.4	1.3
HPG	-40.88	0.7%	114	239.1	1.6
HCM	-40.66	8.7%	1,517	20.4	1.8

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
AST	3.05	15.7%	1,561	38.6	5.5
SHB	1.65	18.7%	2,610	5.2	0.9
HPG	1.47	0.7%	114	239.1	1.6
HAG	1.10	24.3%	1,317	6.6	1.5
VHC	1.02	21.4%	9,001	8.6	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-24.69	11.8%	1,796	11.4	1.3
RAL	-8.36	21.2%	24,462	4.7	1.0
BID	-4.32	19.7%	3,972	11.6	2.1
CTG	-2.05	15.9%	3,548	8.4	1.3
DBC	-1.95	-3.8%	(741)	-	1.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	116.01	11.8%	1,796	11.4	1.3
HSG	30.39	-9.7%	(1,710)	-	1.0
TPB	21.88	20.3%	2,884	6.3	0.9
MBB	19.80	23.1%	3,961	4.7	1.0
VCG	17.00	1.4%	268	84.9	1.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	-163.87	8.1%	2,115	17.5	1.5
EIB	-87.25	14.8%	2,030	10.3	1.5
STB	-28.74	14.9%	3,006	9.3	1.3
KBC	-24.18	11.2%	2,620	11.8	1.3
TCB	-14.12	17.2%	5,446	5.9	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	175.73	23.5%	3,881	18.6	4.4
VHM	73.02	24.9%	8,269	7.1	1.6
HCM	43.50	8.7%	1,517	20.4	1.8
VIC	39.78	5.1%	1,800	29.4	1.5
VRE	38.62	10.2%	1,488	19.3	1.9

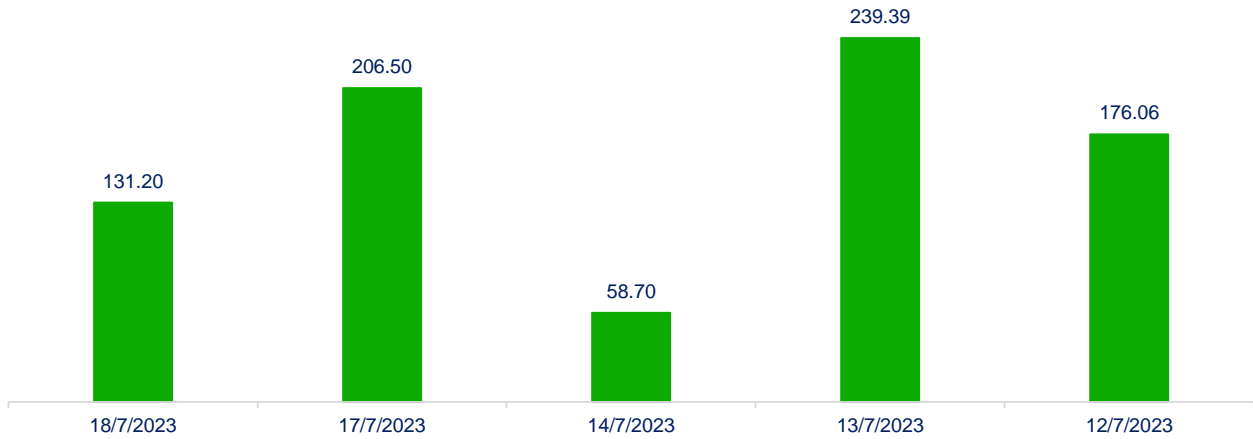
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	-49.10	20.3%	2,884	6.3	0.9
DGC	-39.99	47.4%	13,357	5.3	2.5
VPB	-37.45	11.8%	1,796	11.4	1.3
HSG	-22.42	-9.7%	(1,710)	-	1.0
STB	-16.04	14.9%	3,006	9.3	1.3

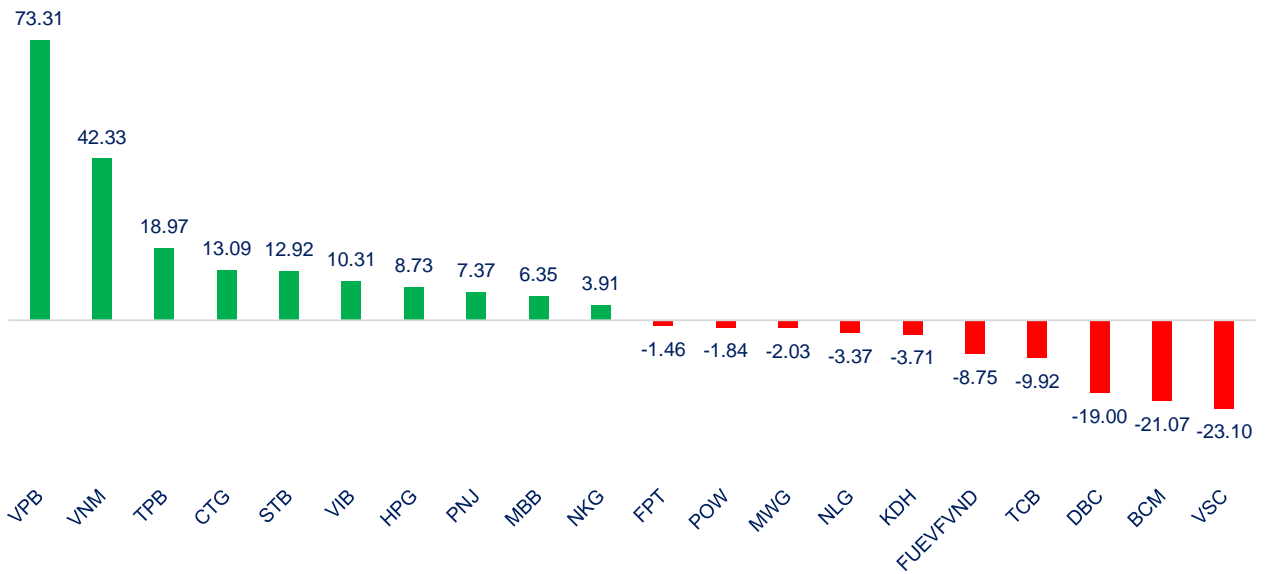


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn